

Sự giao thoa trong kiến trúc nhà ở của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở vùng Trung du Bắc Bộ

The cultural convergence in housing Between the Kinh and ethnic minorities in the Northern Midlands

> **VŨ TRƯỜNG GIANG**

Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Email: truonggiangvu1999@gmail.com

TÓM TẮT

Vùng Trung du Bắc Bộ là không gian chuyển tiếp giữa đồng bằng sông Hồng và miền núi phía Bắc, nơi cộng cư lâu đời của người Kinh và các dân tộc thiểu số (DTTS) như Mường, Tày, Nùng, Dao. Tiến trình lịch sử và giao lưu kinh tế - văn hóa đã tạo nên sự biến đổi sâu sắc trong kiến trúc nhà ở truyền thống, hình thành các dạng thức kiến trúc lai ghép. Bài viết phân tích sự giao thoa này qua các lớp nghiên cứu về tổ chức không gian, kết cấu, vật liệu và hình thái quy hoạch làng xã. Kết quả cho thấy kiến trúc nhà ở trung du mang đặc điểm trung gian giữa hệ hình nhà nền đất (người Kinh) và nhà sàn (các DTTS), phản ánh khả năng thích nghi cao với điều kiện tự nhiên và xã hội. Nghiên cứu góp phần nhận diện giá trị kiến trúc bản địa, làm cơ sở đề xuất định hướng bảo tồn, phát triển nhà ở nông thôn hiện đại.

Từ khóa: Kiến trúc bản địa; nhà ở nông thôn; Trung du Bắc Bộ; giao thoa văn hóa; kiến trúc dân tộc.

ABSTRACT

The Northern Midlands of Vietnam is a transitional region between the Red River Delta and the Northern mountainous area, where the Kinh people and various ethnic minorities (Muong, Tay, Nung, Dao) have long coexisted. Throughout history, cultural and economic interactions have transformed residential architecture, developing hybrid forms. This paper analyzes these interactions through spatial organization, structural systems, building materials, and village layouts. The results indicate that midland architecture possesses intermediary characteristics between ground-based houses (Kinh) and stilt houses (ethnic minorities), demonstrating high adaptability. The study contributes to identifying indigenous architectural values, providing a foundation for modern rural housing conservation and development.

Keywords: Indigenous architecture; rural housing; Northern Midlands of Vietnam; cultural interaction; ethnic architecture.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiến trúc nhà ở truyền thống trong các xã hội nông nghiệp không chỉ phản ánh nhu cầu cư trú đơn thuần mà còn gắn chặt với điều kiện tự nhiên, phương thức sản xuất, cấu trúc xã hội và hệ thống tín ngưỡng. Vùng Trung du Bắc Bộ có địa hình đặc trưng là các dãy đồi thấp xen kẽ thung lũng và hệ thống sông suối dày đặc, tạo nên một môi trường sinh thái chuyển tiếp đặc biệt giữa đồng bằng sông Hồng và miền núi phía Bắc.

Về mặt xã hội, đây là địa bàn cộng cư lâu đời. Người Kinh (chủ yếu định cư ở thung lũng, canh tác lúa nước) và các DTTS như Mường, Tày, Nùng, Dao (phân bố ở khu vực đồi núi) đã diễn ra quá trình tiếp xúc, giao thương lâu dài. Sự giao lưu này làm mờ ranh giới của hai hệ hình kiến trúc nguyên gốc: nhà nền đất của người Kinh và nhà sàn của các DTTS. Thay vào đó, các dạng thức kiến trúc trung gian, lai ghép xuất hiện như một kết quả tiến hóa tự nhiên nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu sinh hoạt và bối cảnh tự nhiên đặc thù.

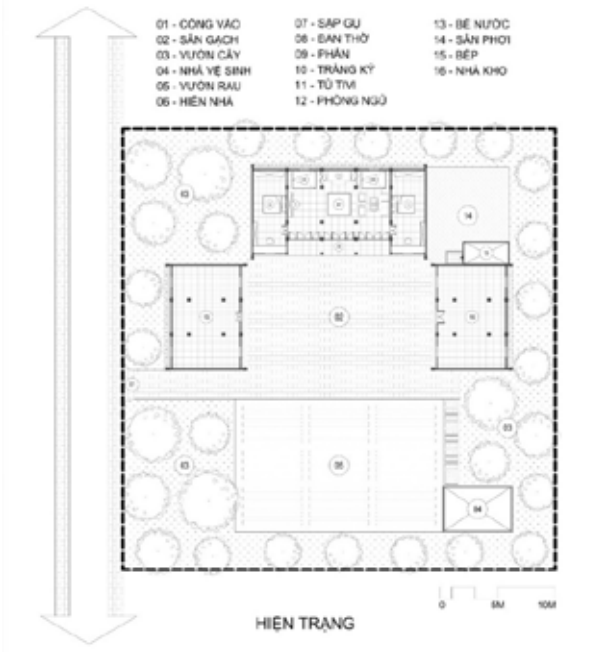
Trong bối cảnh đô thị hóa nông thôn mạnh mẽ hiện nay, các công trình bê tông cốt thép đang dần thay thế nhà ở truyền thống, gây nguy cơ đứt gãy bản sắc và mất đi các giải pháp thích ứng khí hậu bản địa. Do đó, việc nghiên cứu, nhận diện đặc trưng giao thoa kiến trúc tại vùng Trung du Bắc Bộ là vô cùng cấp thiết, cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc định hướng xây dựng mô hình nhà ở nông thôn đương đại.

2. ĐẶC TRƯNG KIẾN TRÚC, QUY HOẠCH NHÀ Ở VÀ QUÁ TRÌNH GIAO THOA

2.1. Đặc trưng kiến trúc của các hệ hình nguyên gốc

Nhà ở truyền thống của người Kinh: Phổ biến là loại hình nhà ba gian hai chái, tổ chức theo trục ngang và phát triển theo chiều dài. Gian giữa là trung tâm tâm linh và đối ngoại (thờ cúng, tiếp khách); các gian bên và chái nhà phục vụ sinh hoạt, nghỉ ngơi hoặc làm kho chứa. Hệ kết cấu chịu lực chính là khung gỗ (cột, xà, vì kèo)

liên kết bằng mộng, đặt trên chân tảng đá để chống ẩm. Mái nhà lợp ngói đất nung có độ dốc lớn giúp thoát nước nhanh, vườn rộng ra phía trước tạo thành hàng hiên đón gió và chắn bức xạ nhiệt.

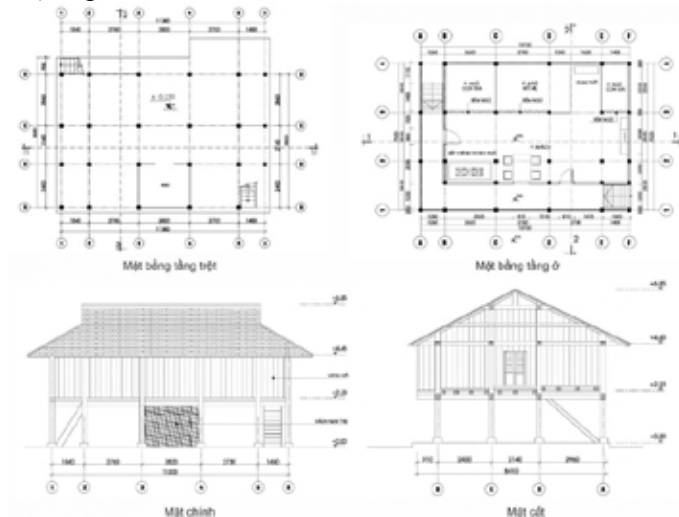


Hình 1. Mặt bằng ba gian hai chái truyền thống vùng Đồng bằng sông Hồng



Hình 2. Nhà ba gian truyền thống của người Kinh [17]

Nhà ở truyền thống của nhiều dân tộc thiểu số: Phổ biến là dạng cấu trúc nhà sàn, công trình được nâng cao khỏi mặt đất bằng hệ thống cột gỗ nhằm chống ẩm, hạn chế tác động của thú dữ và tận dụng không gian dưới sàn để chăn nuôi, lưu trữ công cụ sản xuất. Không gian nội thất mang tính mở, ít vách ngăn cố định, tạo sự linh hoạt trong tổ chức các hoạt động sinh hoạt cộng đồng và gia đình. Vật liệu xây dựng chủ đạo là gỗ, tre, nứa với mái lợp bằng lá cọ hoặc lá giang.



Hình 3. Nhà sàn truyền thống dân tộc Thái [19]

Về kết cấu, nhà sàn chủ yếu được làm từ gỗ và tre. Hệ cột gỗ đóng vai trò chịu lực chính, trong khi sàn nhà thường được làm bằng ván gỗ hoặc tre đan. Mái nhà thường được lợp bằng lá cọ, lá giang hoặc ngói tùy theo điều kiện kinh tế và vật liệu sẵn có của từng địa phương.



Hình 4. Nhà sàn truyền thống dân tộc Mường và Tây [18]

2.2. Các dạng kiến trúc trong quá trình giao thoa

Tại vùng Trung du Bắc Bộ, hai hệ hình trên tích hợp và phát sinh ra ba dạng thức lai ghép điển hình:

Nhà sàn cải biến: Giữ cấu trúc sàn nâng cao nhưng thay thế vách tre, ván gỗ bằng tường xây gạch hoặc đất nện nhằm tăng độ bền vững và tính riêng tư cho cấu trúc gia đình hạt nhân.

Nhà nửa sàn nửa đất: Một phần ngôi nhà xây trực tiếp trên đất nền vững chắc, phần còn lại vươn ra không gian dốc bằng hệ cột sàn. Dạng thức này tối ưu hóa việc san lấp mặt bằng tại các địa hình đồi dốc phức tạp.

Nhà nền đất cải biến: Người Kinh tại trung du nâng cao nền nhà (từ 0,5 m đến 1 m) và mở rộng hàng hiên sâu hơn, tiếp thu tư duy thoáng đãng và cách ly ẩm mốc của hệ hình nhà sàn.



Hình 5. Nhà nửa sàn nửa đất tại vùng trung du [20]

Bảng 1. So sánh đặc trưng kiến trúc nhà ở

Tiêu chí	Nhà ở người Kinh	Nhà ở các dân tộc thiểu số	Nhà ở giao thoa vùng Trung du
Nền nhà	Nền đất sát mặt đất tự nhiên	Nhà sàn cao (cách đất 1,5 - 2 m)	Nền cao hoặc sàn thấp (0,5 - 1,2 m)
Kết cấu	Khung gỗ truyền thống, tường gạch	Cột gỗ chịu lực, vách nhẹ (tre, gỗ)	Khung gỗ/bê tông kết hợp tường bao che dày
Không gian	Ba gian hai chái, phân định rõ ràng	Không gian mở linh hoạt, ít vách ngăn	Gian thờ trung tâm kết hợp các không gian mở
Mái nhà	Mái ngói dốc vừa phải, 4 mái hoặc 2 mái	Mái lá dốc lớn, hình thức vát góc	Mái dốc lớn, lợp ngói hoặc vật liệu hỗn hợp
Quan hệ cảnh quan	Hướng nội, gần với sân trước, vườn	Hướng ngoại, gần với nương rẫy, đồi núi	Hướng địa hình, kết hợp sân đệm và vườn đồi

2.3. Đặc trưng quy hoạch làng, xã

Hình thái cư trú và mạng lưới đường giao thông của làng xã vùng Trung du Bắc Bộ thể hiện rõ nét tính chất chuyển tiếp:

Làng người Kinh đồng bằng: Mang tính quần tụ cao, mật độ xây dựng dày đặc. Hệ thống giao thông dạng bàn cờ hoặc phân nhánh rõ ràng xung quanh trung tâm là đình làng. Không gian mang tính khép kín, ranh giới rõ ràng với không gian canh tác lúa nước.

Bản làng DTTS miền núi: Mang tính phân tán, cấu trúc tự phát theo các đường đồng mức và nguồn nước. Giao thông uốn lượn tự nhiên theo địa hình đồi núi, không có trung tâm hành chính - tâm linh tập trung rõ rệt.

Làng xã vùng Trung du: Là mô hình lai ghép bán tập trung. Các hộ gia đình quần tụ thành các cụm nhỏ dọc theo các trục giao thông chính uốn lượn theo chân đồi. Mật độ xây dựng ở mức trung bình, vừa giữ được sự gắn kết cộng đồng kiểu người Kinh, vừa thích ứng linh hoạt với địa hình đồi thoải kiểu miền núi.



Hình 6. Phân bố nhà ở làng, xã vùng Đồng bằng sông Hồng Hình 7. Phân bố nhà ở làng, xã vùng núi phía Bắc Hình 8. Phân bố nhà ở làng, xã vùng Trung du Bắc Bộ

Bảng 2. So sánh đặc trưng quy hoạch làng, xã

Tiêu chí	Làng, xã vùng đồng bằng	Làng, xã vùng núi	Làng, xã vùng trung du
Mật độ cư trú	Dày đặc	Thưa thớt	Trung bình
Tổ chức không gian	Tập trung (Quần tụ)	Phân tán	Bán tập trung (Cụm đối)
Ảnh hưởng địa hình	Ít ảnh hưởng, san lấp phẳng	Phụ thuộc mạnh vào độ dốc, nguồn nước	Ảnh hưởng vừa, nương theo chân đồi
Mạng lưới giao thông	Rõ ràng, có trật tự hình học	Tự phát, nương theo tự nhiên	Bán quy hoạch, uốn lượn theo địa hình
Yếu tố trung tâm	Rõ ràng (Đình, chùa, giếng làng)	Không rõ ràng (Phân theo dòng họ/địa hình)	Khá rõ (Trục đường chính hoặc không gian chung)
Kiểu không gian	Khép kín (Lũy tre, cổng làng)	Mở hoàn toàn vào thiên nhiên	Lai ghép (Mở về cảnh quan, kết nối về hạ tầng)

2.4. Mối quan hệ biện chứng giữa hình thái quy hoạch và kiến trúc nhà ở

Hình thái làng xã đóng vai trò là "khung cấu trúc" định hình kiến trúc của từng ngôi nhà.

Ở vùng đồng bằng, quy hoạch tập trung hướng nội thúc đẩy ngôi nhà phát triển theo trục ngang, ưu tiên mặt tiền nhìn ra sân và hệ thống tường bao che kín đáo bảo vệ gia đình.

Ở vùng miền núi, quy hoạch phân tán dọc theo sườn dốc khiến ngôi nhà phải xử lý cao độ bằng hệ cột sàn, không gian nội thất có xu hướng mở tự do để đón gió và kết nối trực tiếp với nương rẫy xung quanh.

Tại vùng trung du, chính mô hình quy hoạch bán tập trung và địa hình đồi thoải đã "lập trình" cho ngôi nhà sự linh hoạt: mặt bằng nhà ở vừa kế thừa cấu trúc ba gian trật tự để thực hiện các nghi lễ thờ cúng của người Kinh, vừa áp dụng giải pháp nâng nền, mở rộng hiên và xoay hướng nhà nương theo các đường cong địa hình của miền núi thay vì ép buộc theo một hướng cố định.

3. GIÁ TRỊ KIẾN TRÚC HÌNH THÀNH TỪ QUÁ TRÌNH GIAO THOA

Sự giao thoa kiến trúc tại vùng Trung du Bắc Bộ đã kết tinh nên các giá trị bản sắc độc đáo:

Giá trị thích nghi môi trường tự nhiên: Khắc phục nhược điểm dễ sạt lở, ẩm ướt của địa hình đồi dốc bằng cách tiếp thu giải pháp nâng cao cốt nền của nhà sàn. Sự kết hợp giữa mái dốc ngói của người Kinh và giải pháp thông gió từ hệ thống cửa, hiên rộng của các DTTS giúp công trình đạt hiệu quả tối ưu về vi khí hậu: mát mẻ mùa hè, khô ráo mùa mưa và kín gió mùa đông.

Giá trị tổ chức không gian sống nhân văn: Tạo ra không gian đệm (hàng hiên và sân cảnh quan) vô cùng linh hoạt. Mặt bằng cấu trúc vừa giữ được tính tôn ti, trang trọng ở gian thờ trung tâm, vừa đạt tính cởi mở, đa năng ở các không gian sinh hoạt phụ trợ, tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên và kết nối hài hòa với tự nhiên.

Giá trị kỹ thuật và vật liệu bản địa: Chứng minh năng lực sáng tạo trí tuệ dân gian khi tích hợp hệ thống mộng gỗ chịu lực phức tạp của người Kinh với kỹ thuật cắm cột sàn vững chắc trên nền dốc của người miền núi. Sự chuyển đổi linh hoạt sang các vật liệu bền vững (gạch gốm, đá học, ngói đất nung) trên nền tảng tư duy kiến trúc nhẹ (tre, gỗ) giúp nâng cao tuổi thọ công trình mà không phá vỡ cấu trúc sinh thái.

Giá trị sinh thái cảnh quan và bản sắc vùng: Tạo nên hình thái kiến trúc "vườn - đồi - ao - nhà" đặc trưng. Nhà ở không chiếm lĩnh hay chế ngự thiên nhiên mà ẩn mình khéo léo vào địa hình đồi thoải, tạo nên một bức tranh tổng thể cân bằng sinh thái tuyệt đối, định hình một bộ mặt kiến trúc vùng nông thôn trung du không thể trộn lẫn.

4. KẾT LUẬN

Kiến trúc nhà ở vùng Trung du Bắc Bộ là sản phẩm của quá trình tiếp biến văn hóa có chọn lọc và thích ứng sinh thái thông minh giữa người Kinh và các cộng đồng dân tộc thiểu số. Sự giao thoa này không làm lu mờ bản sắc mà trái lại, đã kiến tạo nên một hệ hình kiến trúc trung gian thích nghi hoàn hảo với điều kiện tự nhiên chuyển tiếp và bối cảnh xã hội cộng cư.

Các yếu tố cốt lõi như kết cấu khung linh hoạt, giải pháp nâng nền chống ẩm, hệ mái dốc lớn thích ứng khí hậu mưa nhiều cùng phương thức tổ chức làng xã nương theo địa hình uốn lượn vẫn được duy trì và phát triển như những giá trị kiến trúc bản địa cốt lõi. Trong giai đoạn hiện đại hóa và đô thị hóa nông thôn hiện nay, các bài học kinh nghiệm từ sự giao thoa này chính là kim chỉ nam khoa học. Chúng gợi mở giải pháp thiết kế các mẫu nhà ở nông thôn mới: kế thừa tinh thần tổ chức không gian truyền thống, ứng dụng công nghệ và vật liệu đương đại, đảm bảo tính tiện nghi nhưng không xa rời các giá trị sinh thái và bản sắc văn hóa vùng miền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hoàng Huy Thắng. Kiến trúc truyền thống các dân tộc thiểu số vùng miền núi phía Bắc. NXB Xây dựng, Hà Nội, 2015.
[2] Nguyễn Khắc Tung. Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
[3] Vũ Tam Lang. Kiến trúc cổ Việt Nam. NXB Xây dựng, Hà Nội, 2006.
[4] Viện Kiến trúc Quốc gia. Đặc trưng kiến trúc nhà ở nông thôn vùng trung du và các giải pháp bảo tồn. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 2020.